

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 34/2019/DS-PT

Ngày 25-9-2019

V/v Tranh chấp hợp đồng vay
tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Nguyễn Thị Thanh Bình

Các Thẩm phán: Ông Vũ Duy Luân

Bà Đỗ Thị Hà

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Sáng

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: Bà
Bùi Thị Thúy Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 9 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 26/2019/TLPT-DS ngày 08 tháng 8 năm 2019 về việc *Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 02/2019/DS-ST ngày 31 tháng 5 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 49/2019/QĐPT-DS ngày 09 tháng 9 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị H**, sinh năm 1970

Nơi cư trú: Khu N1, thị trấn H, huyện H, tỉnh Thái Bình.

2. Bị đơn: Ông **Tạ Quang T**, sinh năm 1976

Nơi cư trú: Khu N2, thị trấn H, huyện H, tỉnh Thái Bình.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Anh **Vũ Hồng V**, sinh năm 1992

- Anh **Vũ Nguyễn Tuấn T**, sinh năm 1998

Đều cư trú : Khu N1, thị trấn H, huyện H, tỉnh Thái Bình.

4. Người kháng cáo: Ông Tạ Quang T – Bị đơn.

(Các đương sự đều có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

**/ Nguyên đơn - bà Nguyễn Thị H trình bày:* bà là vợ của ông Vũ Đình H, sinh năm 1965, địa chỉ: Khu N1, thị trấn H, huyện H, tỉnh Thái Bình. Vào ngày 05/10/2017, ông Vũ Đình H đột ngột qua đời. Sau khi ông H chết, bà H tìm thấy 02 giấy nhận nợ ghi tên ông Tạ Quang T, sinh năm 1976, địa chỉ: Khu N2, thị trấn H, huyện H, tỉnh Thái Bình, có nội dung: Ngày 22/5/2017 ông Tạ Quang T vay của ông Vũ Đình H số tiền 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng); ngày 31/5/2017 ông Tạ Quang T vay tiếp của ông Vũ Đình H số tiền 60.000.000 (sáu mươi triệu đồng). Cả hai giấy nhận nợ này đều do ông Tạ Quang T viết và ký tên. Bà cùng các con của bà và ông H là Vũ Hồng V, Vũ Nguyễn Tuấn T đã đến gặp ông T yêu cầu trả nợ nhiều lần, nhưng ông T nói đã trả đủ tiền cho ông H, nhưng ông T không đưa ra được chứng cứ nào. Bà cho rằng nếu ông T đã trả tiền cho ông H thì phải có văn bản trả tiền và ông T sẽ thu lại 02 giấy nhận nợ đã viết. Số tiền cho ông T vay là do chồng bà đã vay của ngân hàng; từ ngày chồng bà mất, gia đình bà gặp rất nhiều khó khăn. Vì vậy, bà đề nghị Tòa án buộc ông T phải trả cho bà và hai con là anh V, anh T tổng số tiền là 160.000.000 đồng, bà không yêu cầu ông T phải trả tiền lãi suất đối với số tiền trên.

**/ Bị đơn - ông Tạ Quang T trình bày:* Ông và ông Vũ Đình H có quen biết nhau. Ngày 22/5/2017 ông có hỏi mượn tạm ông H số tiền 100.000.000 đồng, mục đích để đổi xe ô tô khác, ông H đã cho ông mượn số tiền trên, ông đã viết giấy vay tiền ông H. Khoảng 02 ngày sau đó do không đổi được xe nên ông đã mang số tiền này đến xưởng gỗ nhà ông H tại khu N1, thị trấn H để trả ông H, ông H nói với ông là giấy vay tiền ông H để ở nhà, tối về ông H sẽ hủy, ông còn bảo ông H “tôi nhớ hủy cho em”, ông H còn nói là “không cho chú thì thôi chứ lại bắt vạ chú hay sao”, là người tình cảm nên ông cũng nể ông H, trả tiền ông H rồi về. Đến ngày 29/5/2017, thì có anh Phạm Văn K ở thôn T, xã M, huyện H là bạn của ông T hỏi mượn tạm ông hoặc nhờ ông mượn hộ khoảng 50.000.000 đồng đến 60.000.000 đồng, ông không có tiền nên có bảo để hỏi vay chỗ ông H vì ông vừa trả chắc ông H

chưa dùng. Sau đó ông T đã hỏi vay ông H 60.000.000 đồng. Ngày 31/5/2017, ông H gọi ông ra xưởng gỗ lấy tiền, ông đã viết giấy nhận nợ của ông H 60.000.000 đồng. Ngay hôm đó ông gọi ông K lên đưa tiền thì ông K nói chỉ thiếu có 50.000.000 đồng nên ông K mượn ông số tiền 50.000.000 đồng, số tiền còn lại 10.000.000 đồng ông vẫn giữ. Khoảng 05 hoặc 06 ngày sau thì ông K trả tiền ông, ông đã đến xưởng gỗ nhà ông H trả ngay cho ông H 60.000.000 đồng. Ông H bảo để giấy vay tiền ở nhà, vì mượn tay tình cảm nên ông chỉ bảo “anh hủy giấy đi giúp em” và đi về.

Cả hai lần ông vay tiền ông H, ông và ông H đều không thỏa thuận lãi suất, không ấn định thời hạn vay, ông là người trực tiếp viết giấy nhận nợ, mỗi lần vay chỉ viết một giấy nhận nợ do ông H giữ.

Sau đó khoảng 04 hoặc 05 tháng sau thì ông H chết. Khoảng hơn một tháng sau thì vợ ông H bảo ông có vay của ông H tiền, ông có trình bày với bà H 02 lần sự việc như vậy nhưng bà H không tin. Ông xác định đã trả đủ tiền vay cho ông H nên ông không chấp nhận yêu cầu khởi kiện đòi nợ của bà H.

**/ Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan - Anh Vũ Hồng V, anh Vũ Nguyễn Tuấn T đều trình bày:* Các anh nhất trí yêu cầu khởi kiện của mẹ anh đối với ông Tạ Quang T.

**/ Bản án số 02/2019/DSPT ngày 31/5/2019, Tòa án nhân dân huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình:* Căn cứ Điều 147, khoản 1 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 166, Điều 463, Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội đã quyết định: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H. Buộc ông Tạ Quang T phải trả cho bà H tổng số tiền 160.000.000 đồng (một trăm sáu mươi triệu đồng). Ngoài ra án sơ thẩm còn quyết định về án phí, tuyên nghĩa vụ chậm thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

**/ Ngày 14/6/2019, ông Tạ Quang T có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm số 02/2019/DS-ST ngày 31/5/2019 của Tòa án nhân dân huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình. Ông T yêu Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình xem xét lại những lời khai tại đơn khởi kiện có mâu thuẫn với lời khai khi hòa giải, xét xử sơ thẩm mà phía nguyên đơn đã trình bày và xem xét lại quá trình bà H đã nhận được 02 tờ giấy đó, có thể khi còn sống ông H đã vất bỏ và khi đó bà H đã tình cờ nhặt được. Ông T cung cấp bổ sung chứng cứ là một Giấy nhận nợ ghi tên người viết là Phạm Văn K, có nội dung ngày 31/5/2017 có vay của ông T 50.000.000 đồng.*

**/ Tại phiên tòa phúc thẩm:* Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình phát biểu tại phiên tòa: Về tố tụng: Trong quá trình thụ lý và giải quyết vụ án ở cấp phúc thẩm, những người tiến hành tố tụng và đương sự đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung: đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Tạ Quang T. Tuy nhiên do bản án sơ thẩm có sai sót khi quyết định về quyền lợi của bà H và hai con, vì vậy đề nghị áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, sửa bản án sơ thẩm số 02/2019/DS-ST ngày 31/5/2019 của Tòa án nhân dân huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình theo hướng buộc ông T phải trả cho bà H và anh V, anh T 160.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu đã thu thập có trong hồ sơ vụ án, cũng như thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Ngày 31/5/2019, Tòa án nhân dân huyện Hưng Hà đưa vụ án tranh chấp đòi tài sản cho vay giữa bà Nguyễn Thị H và ông Tạ Quang T ra xét xử, ông T có mặt tại phiên tòa, đến ngày 14/6/2019 ông T có đơn kháng cáo và gửi đơn đến Tòa án trong thời hạn kháng cáo quy định tại khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự, ông T đã thực hiện nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm. Vì vậy, kháng cáo của ông T làm trong thời hạn luật định là hợp lệ, được xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Xét kháng cáo của bị đơn:

Ông Tạ Quang T không đồng ý với bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Hưng Hà, với lý do ông T đã trả đủ tiền nợ ông H theo hai giấy nhận nợ đề ngày 22/5/2017 và ngày 31/5/2017, tuy nhiên khi trả nợ ông T không yêu cầu ông H viết giấy nhận tiền hoặc hủy giấy nhận nợ ông đã viết khi vay.

Như vậy, ông T thừa nhận đã vay tiền ông H 2 lần: lần 1 vào ngày 22/5/2017, số tiền vay 100.000.000 đồng; lần 2 vào ngày 31/5/2017, số tiền vay 60.000.000 đồng, cả hai lần hai bên đều không thỏa thuận lãi suất, không thỏa thuận thời hạn vay. Tuy nhiên, việc ông T trình bày đã trả đủ tiền cho ông H theo các khoản vay

trên, nhưng ông T không đưa ra được chứng cứ chứng minh, vì vậy không có cơ sở chấp nhận. Tài liệu ông T cung cấp kèm theo đơn kháng cáo là giấy nhận nợ ghi tên người viết là Phạm Văn K có nội dung ngày 31/5/2017 ông K vay của ông T 50.000.000 đồng, tài liệu đó không phải là chứng cứ chứng minh việc ông T đã trả nợ ông H. Tại đơn kháng cáo, ông T cho rằng toàn bộ lời khai tại đơn khởi kiện của nguyên đơn mâu thuẫn với lời khai khi hòa giải, xét xử sơ thẩm; việc bà H nhất được 2 giấy vay nợ có thể do ông H đã vứt bỏ. Xét thấy, tại đơn khởi kiện đề ngày 23/7/2018 bà H trình bày nhất quán với lời trình bày tại biên bản hòa giải ngày 10/4/2019 và biên bản phiên tòa sơ thẩm ngày 31/5/2019, cũng như lời khai của bà H tại phiên tòa phúc thẩm. Tại phiên tòa phúc thẩm, bà H, anh V, anh T đều trình bày về việc sau khi ông H chết khoảng một tháng thì bà H và anh V mới tìm thấy 02 giấy nhận nợ của ông T được gấp gọn trong tập hồ sơ để ở trong cặp tài liệu của ông H; anh V lập luận nếu khoản nợ ngày 22/5/2017 mà ông T đã trả thì khi ông H cất giấy nhận nợ của khoản nợ ngày 31/5/2017, ông H sẽ hủy giấy cũ đi, chứ không gấp gọn cả 2 giấy nhận nợ và cất cẩn thận trong cặp ở cùng vị trí. Lời trình bày đó của bà H và anh V là logic và đã bác bỏ việc ông T khai có thể bà H nhất được 2 giấy nhận nợ do ông H đã vứt bỏ.

Do không có cơ sở nào xác định bà H nhất được 2 giấy nhận nợ do ông H đã vứt bỏ, vì vậy bà H sử dụng làm chứng cứ đòi nợ đối với ông T là phù hợp pháp luật. Tòa án cấp sơ thẩm đã chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông T phải thực hiện nghĩa vụ trả tiền theo các giấy nhận nợ ngày 22/5/2017 và 31/5/2017 là có căn cứ.

Vì vậy yêu cầu kháng cáo của ông T là không có căn cứ chấp nhận.

Tuy nhiên, bản án sơ thẩm quyết định buộc ông T trả nợ cho bà H là không đảm bảo quyền lợi của anh V, anh T, vì: Anh V, anh T, bà H là những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông H thì đều có quyền lợi đối với tài sản của ông H để lại; tại đơn khởi kiện bà H yêu cầu ông T phải trả cho mẹ con bà 160.000.000 đồng, quá trình tham gia tố tụng tại tòa án cấp sơ thẩm, anh V, anh T nhất trí với yêu cầu của bà H. Tại phiên tòa phúc thẩm, bà H và anh V, anh T đề nghị Tòa án buộc ông T phải trả cho 3 mẹ con bà số tiền trên. Vì vậy cần sửa bản án sơ thẩm, buộc ông T phải trả cho bà H, anh V, anh T số tiền 160.000.000 đồng. Bà H, anh V, anh T không yêu cầu xác định kỹ phần cụ thể của mỗi người được hưởng trong số tiền đó nên Tòa án không đặt ra giải quyết.

Tòa án cấp phúc thẩm cần áp dụng khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật Tố tụng dân sự, sửa bản án sơ thẩm về nội dung trên.

[3] Về án phí: Do sửa bản án sơ thẩm nên ông Tạ Quang T không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật Tố tụng dân sự;

[1] Không nhận kháng cáo của ông Tạ Quang T.

[2] Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 02/2019/DSST ngày 31/5/2019 của Tòa án nhân dân huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình:

- Áp dụng các Điều 166, 357, 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, khoản 1 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý án phí, lệ phí Tòa án:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H: Buộc ông Tạ Quang T phải trả cho bà Nguyễn Thị H, anh Vũ Hồng V, anh Vũ Nguyễn Tuấn T số tiền 160.000.000 đồng (một trăm sáu mươi triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Tạ Quang T phải chịu 8.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại bà Nguyễn Thị H 3.500.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình (biên lai số 0005289 ngày 03/12/2018)

[3] Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Tạ Quang T không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Trả lại ông T số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình (biên lai số 0005640 ngày 24/6/2019).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại khoản 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 sửa đổi, bổ sung năm 2014, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án; quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các

Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án 25/9/2019.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát ND tỉnh Thái Bình;
- Tòa án; Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Hưng Hà;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.
- Lưu HC-TP

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Nguyễn Thị Thanh Bình